

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 5 năm 2020

BẢN TIN VỤ HÈ THU NĂM 2020
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ)
NĂM 2020

(Từ ngày 01 tháng 5 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/4/2020 như sau:

Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
		TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Biên Hòa	59,0	- 48,5	- 42,6	- 33,9	- 82,4	-	1.005,52
Bà Rịa	0,4	- 99,2	- 98,5	- 88,6	- 99,8	-	880,79
Bù Đăng	164,2	- 17,0	+ 26,1	- 35,5	- 54,0	+ 202,4	1.653,97
Long Thành	111,6	+ 12,5	+ 284,8	+ 280,9	- 55,9	-	1.164,55
Nhà Bè	26,0	- 68,5	+ 157,4	- 52,8	- 87,1	+ 3.614,3	869,12
Phước Hòa	178,1	+ 21,5	+ 68,3	+ 122,1	- 37,9	+ 436,4	1.095,16
Tà Lài	247,0	+ 15,1	+ 59,4	+ 33,9	- 24,6	+ 489,5	1.463,64
Trị An	33,3	- 74,8	- 85,5	- 82,1	- 84,2	-	1.128,50
Túc Trưng	115,6	- 25,0	- 30,1	+ 1.575,4	- 51,3	+ 148,1	1.282,12
Vũng Tàu	0,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	- 100,0	-	866,18
Xuân Lộc	54,7	- 53,0	+ 104,9	- 41,2	- 69,4	+ 1.267,5	1.144,87
Xuyên Mộc	4,0	- 92,7	- 78,3	- 88,0	- 97,3	-	918,09
Trung bình	82,8	- 44,1	+ 22,2	+ 124,2	- 70,3	+ 1.026,4	1.122,7

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Trên phạm vi toàn lưu vực, lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 44,1%, cao hơn năm 2019 là 22,2%, cao hơn 124,2% so với năm 2018, thấp hơn 70,3% so với năm 2017 và cao hơn nhiều so với năm 2016. Lượng mưa tích lũy lớn nhất tại trạm Tà Lài (247,0 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trạm Vũng Tàu (0,0 mm).

Theo dự báo thời hạn mùa của Trung tâm Dự báo KTTV Trung ương (bản tin cập nhật ngày 14/4/2020), tổng lượng mưa khu vực Nam Bộ trong tháng 5/2020 thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 15-30%. Mùa mưa đến muộn hơn so với trung bình, do vậy cảnh báo tiếp tục ít mưa và khô hạn cho tới nửa đầu tháng 5/2020. Từ tháng 6-9/2020 lượng mưa có xu hướng gia tăng trên khu vực và TLM phổ biến ở mức xấp xỉ với giá trị TBNN. Đến tháng 10/2020 TLM trên toàn khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến cao

hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 1.122,7 mm. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
				TBNN	2019	2018	2017	
Hồ Suối Vọng	4	0,50	12,50	- 17,5	- 23,2	- 24,3	- 41,9	Tăng
Hồ Gia Ui	10,8	1,45	13,45	- 52,9	- 47,0	- 61,4	- 69,1	Tăng
Hồ Núi Le	3,5	1,20	34,16	- 28,4	- 13,9	- 38,3	- 50,8	Tăng
Hồ Suối Đầm	1,2	0,91	76,00	+ 37,8	+ 8,0	+ 60,0	+ 26,7	Tăng
Hồ Suối Rang	2,6	1,65	63,45	+ 19,9	- 7,9	+ 184,4	- 24,0	Tăng
Hồ Giao Thông	0,50	0,20	39,80	+ 5,5	+ 32,7	- 23,5	+ 0,3	Tăng
Hồ Sông Mây	15	3,68	24,55	- 37,1	- 43,0	- 39,4	- 57,4	Tăng
Hồ Mo Nang	1,15	0,56	48,52	+ 7,5	- 27,7	+ 76,2	- 20,3	Tăng
Hồ Suối Đồi	1,2	0,52	43,52	- 13,3	- 45,2	- 15,5	- 10,0	Tăng
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	3,25	36,06	- 2,6	+ 49,5	+ 15,7	- 43,7	Tăng
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	6,58	31,33	- 31,7	- 1,2	- 35,9	- 45,3	Tăng
Hồ Suối Tre	0,64	0,49	76,72	+ 2,0	+ 8,3	- 2,8	- 18,2	Tăng
Hồ Đa Tôn	19,4	5,29	27,26	+ 8,1	+ 50,9	+ 3,8	- 12,4	Tăng
Hồ Bà Long	1,2	0,63	52,50	+ 33,8	- 12,4	- 18,4	+ 54,8	Tăng
Hồ Thanh Niên	0,6	0,43	71,56	+ 27,1	+ 0,8	+ 25,0	+ 16,0	Tăng
Hồ Sông Ray	215,36	20,48	9,51	- 65,4	- 11,1	- 44,3	- 81,7	Tăng
Hồ Đá Đen	33,4	14,01	41,93	- 25,1	- 8,8	- 45,2	- 44,2	Tăng
Hồ Tâm Bó	5,85	1,04	17,79	+ 5,8	+ 32,1	- 29,3	- 24,0	Tăng
Hồ Đá Bằng	11,35	1,57	13,82	- 39,7	- 27,0	- 62,2	+ 481,0	Tăng
Hồ Lô Ô	6	2,56	42,62	- 12,1	- 20,2	+ 14,2	+ 11,7	Tăng
Hồ Suối Giàu	12,2	1,19	9,74	- 73,2	- 16,6	- 77,5	- 80,7	Tăng
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	68,17	18,13	- 12,0	- 5,9	- 6,6	- 1,6	

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 29/4/2020 ở mức thấp so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 68,17 triệu m³ (đạt 18,13% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kì năm 2017, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 và TBNN.

Dự báo xu thế nguồn nước các hồ đến cuối vụ Hè Thu năm 2020 trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai, vùng Đông Nam Bộ: 21/21 hồ có nguồn nước tăng so với với cùng kỳ năm 2019.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất của vụ Hè Thu năm 2020 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **113,96** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu 2020							
		Diện tích sản xuất (ha)				Nhu cầu nước tưới (10^6 m^3)			
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Tổng cộng		5.891,8	1.314,8	1.631,0	330,4	28,36	31,04	27,86	26,70
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00			
2	Hồ Gia Ui	186,85				0,30	0,39	0,19	0,24
3	Hồ Núi Le					0,12	0,11	0,12	0,12
4	Hồ Suối Đầm					0,00			
5	Hồ Suối Răng			50		0,05	0,14	0,02	0,02
6	Hồ Giao Thông					0,00			
7	Hồ Sông Mây	385,43	30,8		320,37	8,94	8,11	8,51	8,34
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,09	0,04	0,05	0,04
9	Hồ Suối Đồi	9,55				0,01	0,02	0,02	0,01
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,89	2,74	2,84	2,83
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI								
12	Hồ Suối Tre					0,00			
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	1,36	0,83	1,09	0,52
14	Hồ Bà Long	0				0,00			
15	Hồ Thanh Niên	55	0			0,13	0,05	0,07	0,04
16	Hồ Sông Ray	1.978,00	521	878		4,45	7,04	4,31	3,56
17	Hồ Đá Đen			300		6,05	6,42	5,89	5,92
18	Hồ Tầm Bó	292	75	368		0,86	1,69	0,71	0,59
19	Hồ Đá Bàn	1.567,00				2,21	2,28	3,06	3,69
20	Hồ Lò Ô	106				0,16	0,17	0,19	0,16
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		0,74	1,03	0,78	0,63

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa năm 2020 (10^6 m^3)			
		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
1	Hồ Suối Vọng	0,78	1,54	2,19	2,64
2	Hồ Gia Ui	1,05	2,09	2,97	3,58
3	Hồ Núi Le	0,91	1,81	2,56	3,09
4	Hồ Suối Đầm	0,67	1,32	1,84	2,15
5	Hồ Suối Răng	0,63	1,48	2,15	2,52
6	Hồ Giao Thông	0,04	0,10	0,15	0,17
7	Hồ Sông Mây	1,62	3,36	4,71	5,66
8	Hồ Mo Nang	0,07	0,14	0,20	0,24
9	Hồ Suối Đồi	0,09	0,26	0,38	0,43
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	1,57	3,53	5,01	5,99
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	2,09	4,80	6,94	8,19
12	Hồ Suối Tre	0,21	0,66	1,11	1,46
13	Hồ Đa Tôn	2,21	4,82	7,27	8,61
14	Hồ Bà Long	0,09	0,19	0,27	0,32
15	Hồ Thanh Niên	0,03	0,06	0,09	0,10
16	Hồ Sông Ray	26,41	57,65	83,05	98,59
17	Hồ Đá Đen	3,32	9,65	14,44	16,52
18	Hồ Tầm Bó	0,42	1,17	1,74	1,98
19	Hồ Đá Bàn	0,45	1,48	2,26	2,60
20	Hồ Lò Ô	0,53	1,88	2,90	3,35
21	Hồ Suối Giàu	0,45	1,42	2,15	2,47

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Trung tâm KTTV Trung Ương; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/8/2020 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Răng, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Lò Ô, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Giàu, hồ Đá Bàn, hồ Tầm Bó.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2020 từ ngày 01/05/2020 đến 31/08/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	12,50	0	68,10	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	13,45	186,85	57,41	100	186,85	Đủ nước
Hồ Núi Le	34,16	0	89,21	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	76,00	0	63,50	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Răng	63,45	50	82,34	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	39,80	0	62,20	100	0	Đủ nước
Hồ Sông Mây	24,55	736,6	76,78	100	736,6	Đủ nước
Hồ Mo Nang	48,52	40	54,92	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	43,52	9,55	73,09	100	9,55	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	36,06	592	100,00	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	31,33		70,74	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	76,72	0	97,75	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	27,26	866	63,80	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	52,50	0	90,65	100	0	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	71,56	55	98,14	100	55	Đủ nước
Hồ Sông Ray	9,51	3377	37,25	100	3377	Đủ nước
Hồ Đá Đen	41,93	300	67,40	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	17,79	735	67,18	100	735	Đủ nước
Hồ Đá Bàn	13,82	1567	61,11	100	1567	Đủ nước
Hồ Lò Ô	42,62	106	87,22	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	9,74	547	51,42	100	547	Đủ nước
Trung bình/Tổng	18,13	9.168,00^(*)	51,05	100	9.168,00^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lại	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	1.710,6	+ 110,1	+ 2	- 28	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trung	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	1.397,7	+ 74,8	+ 6,0	- 20,3	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	1.161,8	+ 48,7	- 7,8	- 34,1	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	1.276,2	+ 86,3	+ 10,3	- 21,8	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		1.386,6	+ 80,0	+ 2,6	- 26,1	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 2,6% và cao hơn 80,0% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu trùng với thời gian mùa mưa trong khu vực, nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân ở vùng ngoài công trình thủy lợi có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo, những khu vực không đảm bảo nguồn nước chỉ xuống giống vụ Hè Thu khi mùa mưa bắt đầu.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.168,0	5.891,8	3.276,2					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 31/08/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 191,92 triệu m³ (chiếm 51,05% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 31/08/2020 không thay đổi.

Mặt khác, để đảm bảo sử dụng hợp lý nguồn nước vụ Hè Thu 2020, cần thực

hiện các giải pháp sau:

(1) Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên còn lại từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất đầu vụ Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho cả vụ Hè Thu, vụ Mùa;

(2) Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo, chỉ xuống giống khi mùa mưa bắt đầu. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước;

(3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất;

(4) Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất sản xuất nông nghiệp đặc biệt đối với những diện tích mới gieo sạ;

(5) Bố trí cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu hợp lý để phát huy hiệu quả của nguồn nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành;

(6) Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần, tháng, vụ mùa tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin mùa tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/9/2020 ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG